

Số: 249/QĐ – THPTĐH

Đức Hợp, ngày 07 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025
của Trường THPT Đức Hợp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐỨC HỢP:

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số: 1485/TB-SGDĐT ngày 15/5/2026 của Sở GD-ĐT Hưng Yên v/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của tổ Văn phòng Trường THPT Đức Hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Trường THPT Đức Hợp *(theo các biểu đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều. Các ông (bà) Kế toán nhà trường; Lãnh đạo trường và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hưng Yên (để b/c);
- Như điều 3 (để công khai);
- Website trường (để công khai);
- Bảng tin trường (để công khai);
- Lưu: VT, KT.

Hà Quang Vinh

Đơn vị: Trường THPT Đức Hợp

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH
Năm 2025

(Kèm theo Quyết định số 249/QĐ-THPTĐH ngày 07/8/2026 của
Hiệu Trưởng Trường THPT Đức Hợp)

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Số báo cáo	Số xét duyệt	LOẠI 070 TỔNG SỐ	KHOẢN 074	LOẠI 100	
							TỔNG SỐ	KHOẢN 105
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC THUỘC NGÂN SÁCH CẤP ...							
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (101=102+105)	101						
1.1	Kinh phí được giao tự chủ (102=103+104)	102						
	- Kinh phí đã nhận	103						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	104						
1.2	Kinh phí không được giao tự chủ (105=106+107)	105						
	- Kinh phí đã nhận	106						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	107						
2	Dự toán được giao trong năm (108=109+110)	108	16.564.458.000	16.564.458.000	16.553.318.000	16.553.318.000	11.140.000	11.140.000
	- Kinh phí được giao tự chủ	109	12.864.000.000	12.864.000.000	12.864.000.000	12.864.000.000		
	- Kinh phí không được giao tự chủ	110	3.700.458.000	3.700.458.000	3.689.318.000	3.689.318.000	11.140.000	11.140.000
3	Tổng số được sử dụng trong năm (111=112+ 113)	111	16.564.458.000	16.564.458.000	16.553.318.000	16.553.318.000	11.140.000	11.140.000
	- Kinh phí được giao tự chủ (112=102+109)	112	12.864.000.000	12.864.000.000	12.864.000.000	12.864.000.000		
	- Kinh phí không được giao tự chủ (113=105+110)	113	3.700.458.000	3.700.458.000	3.689.318.000	3.689.318.000	11.140.000	11.140.000
4	Kinh phí thực nhận trong năm (114=115+116)	114	16.431.247.050	16.431.247.050	16.420.140.470	16.420.140.470	11.106.580	11.106.580
	- Kinh phí được giao tự chủ	115	12.855.900.000	12.855.900.000	12.855.900.000	12.855.900.000		
	- Kinh phí không được giao tự chủ	116	3.575.347.050	3.575.347.050	3.564.240.470	3.564.240.470	11.106.580	11.106.580
5	Kinh phí đề nghị quyết toán (117=118+119)	117	16.431.247.050	16.431.247.050	16.420.140.470	16.420.140.470	11.106.580	11.106.580
	- Kinh phí được giao tự chủ	118	12.855.900.000	12.855.900.000	12.855.900.000	12.855.900.000		

	- Kinh phí không được giao tự chủ	119	3.575.347.050	3.575.347.050	3.564.240.470	3.564.240.470	11.106.580	11.106.580
6	Kinh phí giảm trong năm (120=121+125)	120	133.210.950	133.210.950	133.177.530	133.177.530	33.420	33.420
6.1	Kinh phí được giao tự chủ (121=122+123+124)	121	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000		
	- Đã nộp NSNN	122						
	- Còn phải nộp NSNN (123=103+115-118-122-131)	123						
	- Dự toán bị huỷ (124=104+109-115-132)	124	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000		
6.2	Kinh phí không được giao tự chủ (125=126+127+128)	125	125.110.950	125.110.950	125.077.530	125.077.530	33.420	33.420
	- Đã nộp NSNN	126						
	- Còn phải nộp NSNN (127=106+116-119-126-134)	127						
	- Dự toán bị huỷ (128=107+110-116-135)	128	125.110.950	125.110.950	125.077.530	125.077.530	33.420	33.420
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (129=130+133)	129						
7.1	Kinh phí được giao tự chủ (130=131+132)	130						
	- Kinh phí đã nhận	131						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	132						
7.2	Kinh phí không được giao tự chủ (133=134+135)	133						
	- Kinh phí đã nhận	134						
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	135						
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI							
C	NGUỒN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ							

